

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 86/2000/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2000

QUYẾT ĐỊNH

CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ SỐ 86/2000/QĐ-TTg NGÀY 18 THÁNG 7 NĂM 2000 VỀ VIỆC BAN HÀNH
QUY CHẾ TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;
Căn cứ Luật Giáo dục ngày 02 tháng 12 năm 1998;
Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02 tháng 3 năm 1993 về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Trường đại học dân lập

Điều 2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn chi tiết thi hành Quy chế này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với quy định tại Quy chế này đều bãi bỏ.

Điều 4. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

KT. Thủ tướng Chính Phủ

Phó Thủ tướng

Phạm Gia Khiêm

(Đã ký)

QUY CHẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 86/2000/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương 1

NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Trường đại học dân lập là cơ sở giáo dục đại học do tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế (dưới đây gọi chung là tổ chức) xin thành lập và huy động các nhà giáo, nhà khoa học, nhà đầu tư cùng đóng góp công sức, kinh phí và cơ sở vật chất ban đầu từ nguồn ngoài ngân sách Nhà nước. Trường đại học dân lập là pháp nhân được tự chủ về tổ chức bộ máy, tuyển dụng lao động và tài chính. Tài sản của trường thuộc quyền sở hữu tập thể của những người góp vốn đầu tư, các giảng viên, cán bộ và nhân viên nhà trường.

Điều 2. Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập trường đại học dân lập trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Trường đại học dân lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan quản lý giáo dục theo sự phân công, phân cấp của Chính phủ đồng thời chịu sự quản lý hành chính theo lãnh thổ của Ủy ban nhân

dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (dưới đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân tỉnh) nơi trường đặt trụ sở. Trường đại học dân lập có tư cách pháp nhân, có con dấu và được mở tài khoản tại Ngân hàng Thương mại hoặc Kho bạc Nhà nước để giao dịch.

Điều 4. Trường đại học dân lập bình đẳng với trường đại học công lập về nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường, của giảng viên và sinh viên, trong việc thực hiện mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo và các quy định liên quan đến tuyển sinh, dạy và học, thi, kiểm tra công nhận tốt nghiệp, cấp văn bằng; được hưởng các chính sách ưu đãi đối với các cơ sở giáo dục - đào tạo ngoài công lập theo quy định của Chính phủ.

Chương 2

ĐIỀU KIỆN VÀ THỦ TỤC THÀNH LẬP TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP

Điều 5. Trường đại học dân lập được thành lập sau thời điểm ban hành Quy chế này phải bảo đảm có đủ các điều kiện sau đây:

1. Đề án thành lập trường phù hợp với quy hoạch mạng lưới trường đại học và đáp ứng nhu cầu nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.
2. Mục tiêu, chương trình, quy mô đào tạo phù hợp với định hướng phát triển giáo dục đại học của đất nước.
3. Đủ điều kiện ban đầu về đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, cơ sở vật chất kỹ thuật, vốn.

Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan quy định cụ thể các điều kiện này.

Điều 6. Khi đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 5 của Quy chế này, tổ chức xin thành lập trường gửi hồ sơ đến Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hồ sơ gồm:

1. Tờ trình về việc xin thành lập trường, trong đó ghi rõ:
 - a) Tên trường;
 - b) Tôn chỉ mục đích hoạt động của trường;
 - c) Địa điểm đặt trụ sở trường;
 - d) Dự kiến ngành nghề đào tạo và phạm vi hoạt động;
 - e) Dự kiến quy mô tuyển sinh.
2. Đề án thành lập trường theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này.
3. Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường.
4. Văn bản do cấp có thẩm quyền xác nhận cơ sở vật chất kỹ thuật ban đầu phù hợp với quy mô tuyển sinh dự kiến theo định mức tương ứng tối thiểu đang áp dụng cho các trường đại học công lập và khả năng đầu tư để phát triển nhà trường.
5. Hồ sơ sử dụng đất, hoặc văn bản thỏa thuận của cơ quan có thẩm quyền về giao quyền sử dụng đất để xây dựng trường.
6. Danh sách dự kiến Hội đồng quản trị, Hiệu trưởng và cơ cấu tổ chức của trường; lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị và các cán bộ quản lý của nhà trường có xác nhận của cơ quan trực tiếp quản lý nhân sự.
7. Danh sách giảng viên và cán bộ khoa học cơ hữu, kèm theo bản cam kết sẽ tham gia giảng dạy cho trường.
8. Bản cam kết trong vòng 10 năm xây dựng trường sở tương ứng với quy mô, ngành nghề đào tạo dự kiến của trường.

Điều 7. Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận hồ sơ, chủ trì phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh nơi đặt trụ sở của trường và các cơ quan có liên quan tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 8. Sau khi có quyết định thành lập trường của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét đề nghị của tổ chức xin thành lập trường để:

1. Quyết định công nhận Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Quyết định công nhận Hiệu trưởng.
3. Phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của trường.
4. Phê duyệt kế hoạch, ngành, nghề đào tạo và quy mô tuyển sinh phù hợp với điều kiện của trường.
5. Ra quyết định cho phép tuyển sinh.

Điều 9. Sau thời hạn một năm kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập trường, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trình Thủ tướng Chính phủ thu hồi quyết định thành lập trường, nếu nhà trường không có đủ các văn bản quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, Điều 8 của Quy chế này.

Điều 10. Tổ chức xin thành lập trường thông qua đại diện của mình trong Hội đồng quản trị, tiếp tục cùng với Hội đồng quản trị và Hiệu trưởng chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của trường. Trong trường hợp nhà trường hoạt động không theo đúng tôn chỉ mục đích thì tổ chức xin thành lập trường có quyền đề nghị các cơ quan quản lý nhà nước xem xét, xử lý theo pháp luật.

Chương 3

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

MỤC I CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA TRƯỜNG

Điều 11. Cơ cấu tổ chức của trường gồm:

1. Hội đồng quản trị.
2. Hiệu trưởng.

Giúp việc Hiệu trưởng có:

- a) Các Phó Hiệu trưởng.
- b) Các Phòng, Ban chức năng.
- c) Hội đồng khoa học và đào tạo.

3. Một số tổ chức đào tạo: khoa, ban, bộ môn.

4. Một số tổ chức phục vụ đào tạo nghiên cứu khoa học và triển khai được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức Đảng và các Đoàn thể.

MỤC 2 TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ CÁC ĐOÀN THỂ

Điều 12. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong nhà trường hoạt động theo quy định tại Điều 51 của Luật Giáo dục.

Điều 13. Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong nhà trường hoạt động theo quy định tại Điều 52 của Luật Giáo dục.

MỤC 3 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14. Hội đồng quản trị là tổ chức đại diện duy nhất quyền sở hữu tập thể nhà trường, có trách nhiệm và quyền tự chủ quyết định những vấn đề quan trọng về tổ chức, nhân sự và tài chính, tài sản của trường.

Điều 15. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu là 7 người, trong đó có các thành phần sau:

1. Đại diện Ban lãnh đạo của tổ chức xin thành lập trường.
2. Đại diện các nhà đầu tư về tài chính, tài sản để xây dựng trường.
3. Đại diện cho giảng viên, cán bộ và nhân viên cơ hữu của trường.

4. Hiệu trưởng.

5. Đại diện cấp ủy Đảng cơ sở của trường.

Các thành viên Hội đồng quản trị bình đẳng về quyền bỏ phiếu.

Điều 16. Chủ tịch và các thành viên của Hội đồng quản trị phải có quốc tịch Việt Nam, có trình độ từ đại học trở lên, có sức khỏe, khi được đề cử không quá 70 tuổi và ít nhất 50% số thành viên đã từng giảng dạy đại học hoặc tham gia quản lý giáo dục đại học.

Điều 17. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Nhà nước và pháp luật về các Nghị quyết của Hội đồng quản trị; chủ trì các hoạt động của Hội đồng quản trị và tổ chức kiểm soát việc điều hành của Hiệu trưởng. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị chỉ có hiệu lực khi được quá nửa số thành viên Hội đồng nhất trí. Chủ tịch Hội đồng quản trị được quyền sử dụng bộ máy tổ chức và con dấu của trường, các văn bản và Quyết định của Hội đồng quản trị phải do Chủ tịch Hội đồng quản trị ký.

Điều 18. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Xem xét điều chỉnh ngành, nghề, trình độ, quy mô đào tạo và quy hoạch phát triển nhà trường, trình Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2. Xây dựng và sửa đổi các chế độ, tiêu chuẩn, định mức thu chi tài chính theo quy định của Nhà nước đối với các trường ngoài công lập.
3. Huy động các nguồn vốn để xây dựng trường; phê duyệt dự toán và quyết toán ngân sách hàng năm do Hiệu trưởng trình; giám sát việc quản lý tài chính và tài sản của nhà trường.
4. Đề cử và đề nghị công nhận hoặc đề nghị không công nhận người giữ chức vụ Hiệu trưởng, trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định.
5. Phê duyệt phương án về tổ chức bộ máy, biên chế và các vấn đề có liên quan đến nhân sự của trường do Hiệu trưởng đề xuất.
6. Quyết định những nguyên tắc cơ bản giải quyết các vấn đề về đào tạo, nghiên cứu khoa học, xây dựng cơ sở vật chất và công tác đối ngoại của trường.
7. Xây dựng và sửa đổi Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.
8. Giám sát Hiệu trưởng trong việc chấp hành các quy định của Nhà nước, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Điều 19. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 5 năm, các thành viên của Hội đồng quản trị được quyền tái ứng cử. Hội đồng quản trị họp thường kỳ ít nhất ba tháng một lần. Các cuộc họp bất thường do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định, khi có ít nhất 1/3 số thành viên của Hội đồng đề nghị.

Điều 20. Chủ tịch và thành viên của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đầu tiên do tổ chức xin thành lập trường đề cử, trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định công nhận.

Điều 21. Từ nhiệm kỳ thứ hai, việc thành lập Hội đồng quản trị được thực hiện theo nguyên tắc sau: ba tháng trước khi kết thúc nhiệm kỳ, Hội đồng quản trị căn cứ các quy định tại các điều 15, 16, 18 của Quy chế này, phải báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về phương án, số lượng thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ tiếp theo. Ngoài các thành viên đương nhiên nêu tại các khoản 1, 4, 5 của Điều 15, các thành viên nêu ở khoản 2, Điều 15 do đại diện các nhà đầu tư về tài chính, tài sản để xây dựng trường bầu; các thành viên nêu ở khoản 3, Điều 15 do đại diện giảng viên, cán bộ và nhân viên cơ hữu bầu.

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định công nhận các thành viên Hội đồng quản trị Chủ tịch Hội đồng quản trị do các thành viên của Hội đồng quản trị bầu và trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định công nhận.

Điều 22. Trong nhiệm kỳ, nếu có yêu cầu đột xuất về việc bổ sung hoặc thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, thì Hội đồng quản trị ra Nghị quyết, Chủ tịch Hội đồng quản trị trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định

công nhận. Nếu thành viên cần thay đổi là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thì Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức lấy ý kiến của tổ chức xin thành lập trường, từng thành viên Hội đồng quản trị và các tổ chức hữu quan trước khi quyết định công nhận.

Điều 23. Khi có đủ căn cứ về việc Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng các quy định của Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sau khi tham khảo ý kiến của tổ chức xin thành lập trường, có quyền ra quyết định không công nhận Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị; quyết định thành lập Hội đồng quản trị lâm thời và cử Chủ tịch Hội đồng quản trị lâm thời. Trong thời hạn không quá một năm, Hội đồng quản trị lâm thời có trách nhiệm trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hội đồng quản trị chính thức theo quy định tại Điều 21 của Quy chế này.

MỤC 4 HIỆU TRƯỞNG

Điều 24. Hiệu trưởng trường đại học dân lập là người chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý và điều hành các hoạt động của nhà trường. Hiệu trưởng do Hội đồng quản trị đề cử, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định công nhận. Nhiệm kỳ của Hiệu trưởng theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và không giữ chức vụ Hiệu trưởng quá hai nhiệm kỳ liên tiếp.

Điều 25. Hiệu trưởng là người điều hành hoạt động của trường, đại diện nhà trường trước xã hội và pháp luật, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nhà nước về chất lượng đào tạo, về việc thực hiện các quy định, quy chế về giáo dục đào tạo và những hoạt động khác trong thẩm quyền được Hội đồng quản trị giao.

Điều 26. Hiệu trưởng trường đại học dân lập phải có chức danh từ Phó Giáo sư trở lên hoặc có học vị Tiến sĩ, có kinh nghiệm và năng lực quản lý giáo dục đại học, có uy tín trong ngành giáo dục, có phẩm chất đạo đức, có sức khỏe và khi được đề cử không quá 70 tuổi.

Điều 27. Hiệu trưởng có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.
2. Kiến nghị biện pháp huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực nhằm thực hiện mục tiêu đào tạo, phát triển trường và các biện pháp đảm bảo chất lượng, hiệu quả đào tạo, nghiên cứu khoa học, trình Hội đồng quản trị phê duyệt.
3. Thực hiện các Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh, tổ chức quản lý đào tạo, thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng.
4. Lập dự toán và quyết toán ngân sách hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê duyệt. Tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.
5. Dự kiến cơ cấu tổ chức, biên chế và nhân sự của trường, trình Hội đồng quản trị phê duyệt.
6. Ban hành các nội quy, quy định trong nội bộ nhà trường nhằm đảm bảo việc điều hành, kiểm tra và giám sát mọi hoạt động của trường theo đúng các quy định hiện hành.
7. Tổ chức công tác kế toán, quản lý tài chính và tài sản của trường theo các quy định của Nhà nước.
8. Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức vụ trong trường sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt Quyết định tuyển dụng lao động theo quy định của pháp luật.
9. Thực hiện các quy định của Nhà nước đối với các trường ngoài công lập về lao động - tiền lương, tiền công, học bổng, học phí, trợ cấp xã hội, các chế độ chính sách, khen thưởng, kỷ luật giảng viên, nhân viên và sinh viên của nhà trường.
10. Báo cáo định kỳ về tài chính và các hoạt động của nhà trường theo quy định với Hội đồng quản trị, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có liên quan.
11. Đảm bảo trật tự, an ninh và an toàn trong nhà trường.
12. Trong trường hợp cần thiết, Hiệu trưởng có quyền bảo lưu ý kiến không nhất trí với quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 28. Giúp việc Hiệu trưởng có các Phó Hiệu trưởng. Hiệu trưởng đề cử Phó Hiệu trưởng, Hội đồng quản trị phê duyệt, trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định công nhận. Nhiệm kỳ của Phó Hiệu trưởng theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng.

Số thành viên Hội đồng quản trị giữ chức vụ Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng không được chiếm quá 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 29. Hội đồng khoa học và đào tạo do Hiệu trưởng quyết định thành lập để tư vấn cho Hiệu trưởng trong việc điều hành các hoạt động của trường.

Điều 30. Khi có đủ căn cứ về việc Hiệu trưởng vi phạm nghiêm trọng các quy định của Nhà nước, sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có quyền quyết định không công nhận Hiệu trưởng và bổ nhiệm người thay thế tạm thời, đồng thời yêu cầu Hội đồng quản trị đề cử Hiệu trưởng mới, trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định công nhận.

MỤC 5 ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 31. Trường đại học dân lập tuyển sinh và đào tạo công dân của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và công dân nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam theo các quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 32. Trường đại học dân lập thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học, các dịch vụ tư vấn khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất kinh doanh phù hợp với ngành nghề đào tạo của trường, theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Việc xuất bản tập san, tạp chí, các ấn phẩm khoa học, tài liệu, giáo trình phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường thực hiện theo đúng quy định của Luật Xuất bản và quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 34. Việc mời các giáo sư, các nhà khoa học, chuyên gia nước ngoài đến giảng dạy và nghiên cứu khoa học; việc cử cán bộ tham quan, giảng dạy, học tập ở nước ngoài; cử sinh viên ra nước ngoài học tập thực hiện theo các quy định của Chính phủ.

MỤC 6 QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Điều 35. Trường đại học dân lập được tự chủ về tài chính theo nguyên tắc tự cân đối thu chi, duy trì các hoạt động và phát triển nhà trường.

Điều 36. Tài sản của trường đại học dân lập gồm tài sản thuộc phần vốn góp của các nhà đầu tư và tài sản tăng thêm trong quá trình hoạt động. Tài sản của trường đại học dân lập sau khi trừ phần vốn góp của tập thể, cá nhân và phần chi phí cho các hoạt động của trường kể cả phần trả lãi vốn vay, vốn góp là tài sản không chia thuộc sở hữu tập thể nhà trường, được Nhà nước bảo vệ theo quy định của pháp luật, không ai được chiếm đoạt.

Điều 37. Nguồn thu của trường đại học dân lập gồm:

1. Nguồn thu tại trường:

- Học phí của người học.
- Lệ phí của người học.
- Giá trị các hợp đồng đào tạo, nghiên cứu khoa học, lao động sản xuất.
- Lãi tiền gửi ngân hàng.
- Thu về thanh lý tài sản thuộc nguồn vốn của trường.

Các hoạt động dịch vụ (nếu có).

2. Vốn góp của các tổ chức, cá nhân (gọi chung là các nhà đầu tư) để đầu tư và phát triển trường.

3. Nguồn tài trợ, viện trợ, ủng hộ, quà tặng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

4. Nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng, ngân hàng.

5. Các khoản thu khác.

Điều 38. Các khoản chi của trường đại học dân lập gồm:

1. Chi thường xuyên:

- a) Chi cho bộ máy quản lý hành chính.
- b) Chi cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường.
- c) Trả tiền thuê cơ sở vật chất.
- d) Chi mua sắm tài sản và sửa chữa nhỏ.
- e) Chi trích khấu hao tài sản cố định.
- g) Nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định.
- h) Trả lãi vốn vay, vốn góp.
- i) Chi cho khen thưởng, phúc lợi.
- k) Các chi phí khác.

2. Chi đầu tư phát triển, bao gồm xây dựng trường sở và mua sắm máy móc, trang thiết bị.

Hàng năm, Hội đồng quản trị quy định tỷ lệ giữa chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển.

Điều 39. Tài sản và toàn bộ các hoạt động thu chi tài chính của trường đại học dân lập đều phải được quản lý và hạch toán, kế toán, quyết toán hàng quý và hàng năm theo quy định của Bộ Tài chính.

Khoản chênh lệch thu lớn hơn chi trong hoạt động hàng năm của trường đại học dân lập được dành lập quỹ dự trữ tài chính bắt buộc, ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất trường học nhằm thực hiện cam kết về xây dựng trường ghi tại khoản 8 Điều 6 của Quy chế này và Điều 20 của Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19 tháng 8 năm 1999 của Chính phủ và từng bước hoàn lại vốn vay, vốn góp.

Điều 40. Hàng năm, trường lập dự toán thu, chi và mở sổ sách kế toán theo dõi thu, chi theo các nguồn vốn hình thành và tài sản nhà trường. Toàn bộ các khoản thu của trường phải phản ánh tập trung vào tài khoản của trường tại Ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước. Toàn bộ số tiền lãi từ tiền gửi phải được phản ánh vào nguồn thu của trường.

Hiệu trưởng có trách nhiệm báo cáo tổng hợp dự toán và quyết toán hàng quý và hàng năm tình hình thu, chi tài chính, vốn, tài sản, để Hội đồng quản trị phê duyệt. Hiệu trưởng thực hiện các hoạt động tài chính theo các mức thu, chi được Hội đồng quản trị phê duyệt.

Điều 41.

1. Trường đại học dân lập thực hiện chế độ tài chính công khai; Hội đồng quản trị thành lập Ban Kiểm tra tài chính để định kỳ và đột xuất tổ chức kiểm tra sổ sách kế toán, việc sử dụng kinh phí của trường, tình hình tăng giảm tài sản, nguồn vốn và báo cáo Hội đồng quản trị, đồng thời công khai các khoản thu, chi cho cán bộ, nhân viên trong trường.

2. Trường đại học dân lập chịu sự thanh tra, kiểm tra tài chính của cơ quan tài chính theo quy định của Nhà nước.

Điều 42. Hiệu trưởng là chủ tài khoản của trường, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về toàn bộ công tác quản lý tài chính, tài sản của trường.

Điều 43. Khi cần thanh lý tài sản, Hiệu trưởng thành lập Hội đồng định giá để xác định giá và phương thức thanh lý tài sản, trình Hội đồng quản trị duyệt.

Điều 44. Hội đồng quản trị tự xây dựng quy chế hoạt động về tài chính, quy định mức thu chi phù hợp với tình hình của nhà trường và các quy định của Nhà nước đối với các trường ngoài công lập báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính.

Chương 4

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA NHÀ GIÁO, CÁN BỘ VÀ NHÂN VIÊN

Điều 45. Hiệu trưởng trường đại học dân lập tuyển dụng giảng viên, cán bộ và nhân viên bằng hình thức hợp đồng lao động.

Cán bộ quản lý, giảng viên cơ hữu, cán bộ và nhân viên ở các đơn vị phòng, ban, khoa của trường đại học dân lập không ở trong biên chế Nhà nước, trừ những trường hợp đặc biệt được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định biệt phái.

Điều 46. Giảng viên (cơ hữu và thỉnh giảng) của trường đại học dân lập phải có đủ các tiêu chuẩn đã quy định về phẩm chất, đạo đức, chuyên môn, nghiệp vụ và sức khỏe; có nhiệm vụ và quyền theo quy định của pháp luật.

Tại thời điểm khai giảng khóa đầu tiên, đội ngũ giảng viên cơ hữu của trường phải đảm bảo không dưới 20% và trong vòng 4 năm đạt không dưới 50% khối lượng giảng dạy của từng môn học.

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc mời giảng viên thỉnh giảng của trường đại học dân lập, việc cử biệt phái cán bộ quản lý, nhà giáo từ các trường đại học công lập hoặc cơ quan nhà nước sang làm việc tại các trường đại học dân lập.

Điều 47. Giảng viên, cán bộ và nhân viên cơ hữu của trường đại học dân lập được hưởng chế độ tiền công, tiền lương hợp lý theo kết quả hoạt động của trường, được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, được xét công nhận chức danh giáo sư, phó giáo sư, xét tặng các danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Huy chương "vi sự nghiệp giáo dục", có nhiệm vụ và quyền hạn của nhà giáo như quy định tại Mục 1, Chương IV của Luật Giáo dục.

Chương 5

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA SINH VIÊN

Điều 48. Công dân Việt Nam có đủ các điều kiện theo Quy chế Tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định được đăng ký dự tuyển vào trường đại học dân lập.

Điều 49. Sinh viên trường đại học dân lập có các nhiệm vụ:

1. Học tập, rèn luyện theo kế hoạch, chương trình giáo dục của nhà trường.
2. Tuân thủ pháp luật của Nhà nước; thực hiện nội quy, Quy chế của nhà trường.
3. Tham gia lao động và hoạt động xã hội phù hợp với lứa tuổi, sức khỏe và năng lực.
4. Đóng học phí.
5. Giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường.
6. Góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của trường.

Điều 50. Sinh viên trường đại học dân lập có những quyền sau đây:

1. Được cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về việc học tập của mình như sinh viên trường đại học công lập.
2. Học sau đại học, học trước tuổi, học vượt lớp, học rút ngắn thời gian thực hiện chương trình, ngừng học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
3. Tham gia hoạt động các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường theo quy định của pháp luật.
4. Sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hóa, thể dục, thể thao của trường.
5. Trực tiếp hoặc thông qua tổ chức, đoàn thể của mình kiến nghị với nhà trường các giải pháp nhằm góp phần xây dựng nhà trường, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người học.
6. Được hưởng các chính sách xã hội theo quy định của Nhà nước.
7. Được bình đẳng trong cơ hội tìm kiếm việc làm như sinh viên các trường đại học công lập.

Chương 6

THANH TRA, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 51. Trường đại học dân lập có trách nhiệm tổ chức thực hiện thường xuyên việc tự kiểm tra và thanh tra các hoạt động của nhà trường theo các quy định hiện hành.

Điều 52. Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện kiểm tra, thanh tra thường xuyên và đột xuất các hoạt động của trường đại học dân lập, giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo và vi phạm theo Luật Khiếu nại tố cáo và Pháp lệnh Thanh tra.

Cơ quan tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại; cá nhân có quyền tố cáo về các hành vi trái pháp luật trong hoạt động giáo dục của trường.

Điều 53. Trường đại học dân lập không được cho phép bất cứ cá nhân hoặc tổ chức nào lợi dụng danh nghĩa, sử dụng cơ sở của nhà trường để tiến hành các hoạt động bất hợp pháp và thực hiện các hành vi thương mại hóa hoạt động giáo dục, vụ lợi, không đúng với tôn chỉ mục đích hoạt động của trường đại học dân lập.

Điều 54. Cá nhân và tập thể trường đại học dân lập có nhiều thành tích đóng góp cho sự nghiệp giáo dục được khen thưởng theo quy định của Nhà nước.

Điều 55. Trong trường hợp có đủ căn cứ về việc trường đại học dân lập không chấp hành đúng pháp luật, các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; không bảo đảm chất lượng đào tạo; không bảo đảm yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ việc giảng dạy học tập; không bảo đảm điều kiện vệ sinh và an toàn, thì tùy mức độ nặng nhẹ, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm:

1. Quyết định tạm ngừng giảng dạy.
2. Quyết định tạm ngừng tuyển sinh.
3. Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định đình chỉ hoạt động của trường hoặc phải giải thể trường.

Điều 56. Trong trường hợp trường đại học dân lập không còn khả năng hoạt động, Hội đồng Quản trị có quyền xin phép được giải thể theo quy định của pháp luật.

Điều 57. Trường hợp trường đại học dân lập bị giải thể, Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm giải quyết các hậu quả theo quy định của pháp luật.